CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÁP LỆNH
THƯ VIỆN

Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 12 năm 2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2001, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

Để xây dựng, bảo tồn, khai thác và sử dụng vốn tài liệu của thư viện; đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, thông tin, giải trí của Nhân dân và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về thư viện;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 4 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa X;

Pháp lệnh này quy định về thư viện[1].

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Thư viện có chức năng, nhiệm vụ giữ gìn di sản thư tịch của dân tộc; thu thập, tàng trữ, tổ chức việc khai thác và sử dụng chung vốn tài liệu trong xã hội nhằm truyền bá tri thức, cung cấp thông tin phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu, công tác và giải trí của mọi tầng lớp Nhân dân; góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hóa, phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

---

[1] Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

Căn cứ Nghị quyết số 74/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV;

Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch của Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng số 02/2008/PL-UBTVQH12, Pháp lệnh Quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH13, Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 đã sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13."

Điều 2

Trong pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Di sản thư tịch* là toàn bộ sách, báo, văn bản chép tay, bản đồ, tranh, ảnh và các loại tài liệu khác đã và đang được lưu hành.

2. *Tài liệu* là một dạng vật chất đã ghi nhận những thông tin ở dạng thành văn, âm thanh, hình ảnh nhằm mục đích bảo quản và sử dụng.

3. *Vốn tài liệu thư viện* là những tài liệu được sưu tầm, tập hợp theo nhiều chủ đề, nội dung nhất định, được xử lý theo quy tắc, quy trình khoa học của nghiệp vụ thư viện để tổ chức phục vụ người đọc đạt hiệu quả cao và được bảo quản.

Điều 3

Pháp lệnh này điều chỉnh:

1. Tổ chức và hoạt động của thư viện; quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân (sau đây gọi là tổ chức) trong hoạt động thư viện;

2. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong nước sử dụng vốn tài liệu thư viện và tham gia các hoạt động do thư viện tổ chức;

3. Quyền và trách nhiệm của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài sinh sống, làm việc tại Việt Nam sử dụng vốn tài liệu thư viện và tham gia các hoạt động do thư viện tổ chức.

Điều 4

Nhà nước đầu tư ngân sách để phát triển thư viện, vốn tài liệu thư viện; mở rộng sự liên thông giữa các thư viện trong nước và hợp tác, trao đổi tài liệu với thư viện nước ngoài; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia phát triển các loại hình thư viện; thực hiện xã hội hóa hoạt động thư viện; đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ những người làm công tác thư viện đáp ứng nhu cầu phát triển các loại hình thư viện.

Điều 5

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Tàng trữ trái phép tài liệu có nội dung:

a) Chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân;

b) Tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và Nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng, văn hóa phẩm phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan; phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc;

c) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của công dân;

2. Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của công dân;

3. Đánh tráo, hủy hoại tài liệu của thư viện;

4. Lợi dụng hoạt động nghiệp vụ thư viện để truyền bá trái phép những nội dung quy định tại Điều này.

Chương II
QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THƯ VIỆN

Điều 6

1. Tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài sinh sống và làm việc tại Việt Nam được quyền sử dụng vốn tài liệu thư viện phù hợp với quy chế của thư viện.

2. Đối với thư viện hoạt động bằng ngân sách nhà nước thì người sử dụng tài liệu thư viện không phải trả tiền cho các hoạt động sau theo quy định của Chính phủ:

a) Sử dụng tài liệu thư viện tại chỗ hoặc mượn về nhà;

b) Tiếp nhận thông tin về tài liệu thư viện thông qua hệ thống mục lục và các hình thức thông tin, tra cứu khác;

c) Tiếp nhận sự giúp đỡ, tư vấn về việc tìm và chọn lựa nguồn thông tin;

d) Phục vụ tài liệu tại nhà thông qua hình thức thư viện lưu động hoặc gửi qua bưu điện khi có yêu cầu đối với người cao tuổi, người tàn tật không có điều kiện đến thư viện.

3. Người dân tộc thiểu số được tạo điều kiện sử dụng tài liệu thư viện bằng ngôn ngữ của dân tộc mình.

4. Người khiếm thị được tạo điều kiện sử dụng tài liệu thư viện bằng chữ nổi hoặc các vật mang tin đặc biệt.

5. Trẻ em được tạo điều kiện sử dụng tài liệu thư viện phù hợp với lứa tuổi.

6. Người đang chấp hành hình phạt tù, người bị tạm giam được tạo điều kiện sử dụng tài liệu của thư viện tại trại giam, nhà tạm giam.

Điều 7

1. Tổ chức của Việt Nam có quyền thành lập thư viện theo quy định tại Pháp lệnh này.

2. Tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài sinh sống và làm việc tại Việt Nam có quyền tham gia vào các hoạt động do thư viện tổ chức.

Điều 8

Người sử dụng vốn tài liệu thư viện có trách nhiệm:

1. Chấp hành nội quy thư viện;

2. Bảo quản vốn tài liệu và tài sản của thư viện;

3. Tham gia xây dựng, phát triển thư viện;

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi vi phạm trong việc sử dụng vốn tài liệu thư viện.

Chương III
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THƯ VIỆN

Điều 9

Thư viện được thành lập khi có những điều kiện sau:

1. Vốn tài liệu thư viện;

2. Trụ sở, trang thiết bị chuyên dùng;

3. Người có chuyên môn, nghiệp vụ thư viện;

4. Kinh phí đảm bảo cho thư viện hoạt động ổn định và phát triển.

Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn cụ thể việc thực hiện những quy định tại Điều này đối với từng loại hình thư viện.

Điều 10

1. Tổ chức của Việt Nam có các điều kiện quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh này thì được thành lập thư viện.

2. Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày thành lập, tổ chức thành lập thư viện phải đăng ký hoạt động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này.

3. Tổ chức thành lập thư viện ban hành quy chế hoạt động thư viện.

Bộ Văn hóa - Thông tin quy định cụ thể thủ tục đăng ký hoạt động và hướng dẫn ban hành quy chế thư viện.

Điều 11

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam và thư viện của tổ chức cấp trung ương đăng ký hoạt động với Bộ Văn hóa - Thông tin.

2. Thư viện của tổ chức cấp tỉnh đăng ký hoạt động với Sở Văn hóa - Thông tin.

3. Thư viện của tổ chức cấp huyện, cấp xã có trụ sở đóng trên địa bàn đăng ký hoạt động với Phòng Văn hóa - Thông tin huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 12

1. Tổ chức thành lập thư viện có quyền quyết định chia, tách, sáp nhập, giải thể thư viện hoặc thay đổi nội dung hoạt động đã đăng ký.

2. Khi chia, tách, sáp nhập thư viện, tổ chức thành lập thư viện phải làm lại thủ tục đăng ký hoạt động.

3. Khi thay đổi tên gọi, địa chỉ, quy chế, nội dung hoạt động hoặc giải thể thư viện, tổ chức thành lập thư viện phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 13

Thư viện có các nhiệm vụ sau đây:

1. Đáp ứng yêu cầu và tạo điều kiện thuận lợi cho người đọc trong việc sử dụng vốn tài liệu thư viện và tham gia các hoạt động do thư viện tổ chức;

2. Thu thập, bổ sung và xử lý nghiệp vụ vốn tài liệu; bảo quản vốn tài liệu và thanh lọc ra khỏi kho các tài liệu lạc hậu, hư nát theo quy chế của thư viện;

3. Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giới thiệu vốn tài liệu thư viện, tham gia xây dựng và hình thành thói quen đọc sách, báo trong Nhân dân;

4. Xử lý thông tin, biên soạn các ấn phẩm thông tin khoa học;

5. Thực hiện sự liên thông giữa các thư viện trong nước; hợp tác, trao đổi tài liệu với thư viện nước ngoài theo quy định của Chính phủ;

6. Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến vào công tác thư viện, từng bước hiện đại hóa thư viện;

7. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người làm công tác thư viện;

8. Bảo quản cơ sở vật chất, kỹ thuật và tài sản khác của thư viện.

Điều 14

Thư viện có các quyền sau đây:

1. Trao đổi tài liệu và tham gia vào các mạng thông tin - thư viện trong nước; trao đổi tài liệu và tham gia vào các mạng thông tin - thư viện nước ngoài theo quy định của Chính phủ;

2. Khước từ yêu cầu của người đọc nếu yêu cầu đó trái với quy chế của thư viện;

3. Thu phí từ một số dịch vụ thư viện theo quy định tại Điều 23 của Pháp lệnh này;

4. Tiếp nhận tài trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

5. Tham gia các hội nghề nghiệp trong nước và quốc tế về thư viện;

6. Lưu trữ những tài liệu có nội dung quy định tại khoản 1 Điều 5 của Pháp lệnh này theo quy định của Chính phủ.

Điều 15

1. Người làm công tác thư viện có các quyền sau đây:

a) Được tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ thư viện; tham gia nghiên cứu khoa học, các sinh hoạt về chuyên môn, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi về nghề nghiệp và các chế độ chính sách khác của Nhà nước.

2. Người làm công tác thư viện có nghĩa vụ thực hiện các quy định của pháp luật về thư viện, các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và quy chế của thư viện.

Điều 16

Các loại hình thư viện bao gồm:

1. Thư viện công cộng:

a) Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Thư viện do Ủy ban nhân dân các cấp thành lập.

2. Thư viện chuyên ngành, đa ngành:

a) Thư viện của viện, trung tâm nghiên cứu khoa học;

b) Thư viện của nhà trường và cơ sở giáo dục khác;

c) Thư viện của cơ quan nhà nước;

d) Thư viện của đơn vị vũ trang nhân dân;

đ) Thư viện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp.

Điều 17

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam là thư viện trung tâm của cả nước.

2. Ngoài những nhiệm vụ và quyền quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Pháp lệnh này, Thư viện Quốc gia Việt Nam còn có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Khai thác các nguồn tài liệu trong nước và nước ngoài để đáp ứng nhu cầu người đọc;

b) Thu nhận các xuất bản phẩm lưu chiểu trong nước theo quy định; xây dựng, bảo quản lâu dài kho tàng xuất bản phẩm dân tộc; biên soạn, xuất bản Thư mục quốc gia và Tổng thư mục Việt Nam;

c) Tổ chức phục vụ các đối tượng người đọc theo quy chế của thư viện;

d) Hợp tác, trao đổi tài liệu với các thư viện trong nước và nước ngoài;

đ) Nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thông - tin thư viện;

e) Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người làm công tác thư viện; hướng dẫn nghiệp vụ thư viện theo sự phân công của Bộ Văn hóa - Thông tin.

Điều 18

1. Thư viện do Ủy ban nhân dân các cấp thành lập giữ vai trò trung tâm phối hợp hoạt động, trao đổi tài liệu, hướng dẫn nghiệp vụ với các thư viện khác trên địa bàn.

2. Ngoài những nhiệm vụ và quyền quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Pháp lệnh này, thư viện do Ủy ban nhân dân các cấp thành lập còn có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng và bảo quản vốn tài liệu của địa phương và về địa phương;

b) Tham gia xây dựng thư viện, tủ sách cơ sở; tổ chức việc luân chuyển sách, báo xuống các thư viện, tủ sách cơ sở.

Điều 19

1. Thư viện của viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học được thành lập nhằm phục vụ nhu cầu của cán bộ, công chức trong phạm vi của viện, trung tâm và có thể phục vụ những đối tượng khác phù hợp với quy chế của thư viện.

2. Thư viện của nhà trường, cơ sở giáo dục khác được thành lập nhằm phục vụ nhu cầu của cán bộ, nhà giáo, người học trong phạm vi của nhà trường, cơ sở giáo dục khác và có thể phục vụ những đối tượng khác phù hợp với quy chế của thư viện.

3. Thư viện của cơ quan nhà nước được thành lập nhằm phục vụ nhu cầu của cán bộ, công chức trong phạm vi cơ quan và có thể phục vụ những đối tượng khác phù hợp với quy chế của thư viện.

4. Thư viện của đơn vị vũ trang nhân dân được thành lập nhằm phục vụ nhu cầu của cán bộ, chiến sĩ trong phạm vi đơn vị và có thể phục vụ những đối tượng khác phù hợp với quy chế của thư viện.

5. Thư viện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp được thành lập chủ yếu nhằm phục vụ các thành viên trong phạm vi tổ chức, đơn vị và có thể phục vụ những đối tượng khác phù hợp với quy chế của thư viện.

Chương IV
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯ VIỆN

Điều 20

Các nguồn tài chính của thư viện bao gồm:

1. Ngân sách nhà nước cấp hoặc hỗ trợ;

2. Vốn của tổ chức;

3. Các khoản thu từ phí dịch vụ thư viện;

4. Các nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

Điều 21

Nhà nước thực hiện các chính sách đầu tư đối với thư viện như sau:

1. Đầu tư để đảm bảo cho các thư viện hưởng ngân sách nhà nước hoạt động, phát triển và từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật, điện tử hóa, tự động hóa thư viện; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ những người làm công tác thư viện;

2. Đầu tư tập trung cho một số thư viện có vị trí đặc biệt quan trọng; ưu tiên đầu tư xây dựng thư viện huyện ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đóng góp xây dựng và phát triển sự nghiệp thư viện Việt Nam;

4. Hỗ trợ việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người làm công tác thư viện của thư viện các tổ chức không hoạt động bằng ngân sách nhà nước;

5. Ưu tiên giải quyết đất xây dựng thư viện;

6. Hỗ trợ, giúp đỡ việc bảo quản các bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học của cá nhân, gia đình.

Điều 22

Nhà nước thực hiện các chính sách ưu đãi đối với hoạt động thư viện như sau:

1. Miễn, giảm thuế nhập khẩu những tài liệu thư viện, trang thiết bị, máy móc chuyên dùng theo quy định của pháp luật;

2. Hỗ trợ kinh phí cho việc khai thác mạng thông tin - thư viện trong nước và nước ngoài, cho mượn tài liệu giữa các thư viện và người đọc.

Điều 23

1. Thư viện hoạt động bằng ngân sách nhà nước được thu phí đối với các dịch vụ sao chụp, nhân bản tài liệu, biên dịch phù hợp với pháp luật về bảo hộ quyền tác giả; biên soạn thư mục; phục vụ tài liệu tại nhà hoặc gửi qua bưu điện và một số dịch vụ khác theo yêu cầu của người sử dụng vốn tài liệu thư viện.

2. Thư viện của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoạt động không sử dụng ngân sách nhà nước được thu phí đối với các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 6 của Pháp lệnh này.

Danh mục cụ thể các dịch vụ được thu phí, mức phí và việc sử dụng phí do Chính phủ quy định.

Chương V
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯ VIỆN

Điều 24

Nội dung quản lý nhà nước về thư viện bao gồm:

1.[2] Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển các loại hình thư viện; tổ chức lập phương án phát triển mạng lưới thư viện trong quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao và các quy hoạch khác có liên quan;

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Ban hành, chỉ đạo thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thư viện;

3. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ những người làm công tác thư viện;

4. Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thư viện;

5. Tổ chức đăng ký hoạt động thư viện;

6. Hợp tác quốc tế về thư viện;

7. Tổ chức, chỉ đạo công tác thi đua khen thưởng trong hoạt động thư viện;

8. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thư viện; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về thư viện.

Điều 25

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thư viện.

2. Bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thư viện.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan khác của Nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về thư viện.

Chính phủ quy định cụ thể trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về thư viện.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về thư viện trong phạm vi địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ.

Điều 26

Thanh tra chuyên ngành về văn hóa - thông tin thực hiện chức năng thanh tra về thư viện.

Điều 27

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, cá nhân có quyền tố cáo về các hành vi vi phạm pháp luật về thư viện.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Chương VI
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng và phát triển sự nghiệp thư viện được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 29

Người nào vi phạm các quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật về thư viện thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[3]

Điều 30

Pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2001.

Các quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 31

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Số: 04/VBHN-VPQH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2019

CHỦ NHIỆM

Nguyễn Hạnh Phúc

---

[3] Điều 5 của Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 quy định như sau:

"***Điều 5. Hiệu lực thi hành***

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019."